**Phụ lục**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI TRONG LĨNH VỰC KIỂM LÂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH TÂY NINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục** | **1.012413** | | | | | |
| Tên thủ tục hành chính: | **PHÊ DUYỆT HOẶC ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN TẠM SỬ DỤNG RỪNG**  (DVC trực tuyến một phần) | | | | | |
| Cấp thực hiện: | Cấp Tỉnh | | | | | |
| Lĩnh vực: | Kiểm lâm | | | | | |
| Trình tự thực hiện: | | | | | | |
|  | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.  - Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.  Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định).  \*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:  **Bước 1**: *Tiếp nhận hồ sơ*  Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh:  - Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:  + Hồ sơ được tổ chức nộp trực tiếp tại Trung tâm.  + Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.  - Thực hiện kiểm tra hồ sơ:  + (1) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến), đồng thời chuyển hồ sơ để Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và PTNT xử lý.  Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.  + (2) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (1).  + (3) Trường hợp chủ đầu tư dự án có yêu cầu Phê duyệt phương án tạm sử dụng rừng không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu Phê duyệt phương án tạm sử dụng rừng của chủ đầu tư dự án.  **Bước 2**: *Giải quyết hồ sơ*  **Chi cục Kiểm lâm**  - Văn thư Chi cục tiếp nhận hồ sơ từ nhân viên bưu điện và chuyển Trưởng phòng Quản lý, Bảo vệ và Phát triển rừng (sau đây gọi tắt là QL, BV và PTR).  - Phân công công chức xử lý.  - Vào sổ theo dõi.  - Thẩm định, xử lý hồ sơ.  - Trình Trưởng phòng xem xét.  - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trong thời hạn 03 ngày làm việc, phải báo cáo Trưởng phòng QL, BV và PTR tham mưu Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT văn bản trả lời Chủ đầu tư dự án.  - Trường hợp hồ sơ lệ: trong thời hạn 07 ngày làm việc, xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm tham mưu lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT kiểm tra, xác minh về báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị tạm sử dụng rừng và tổ chức thẩm định Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng; tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND xem xét, Quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng.  **Sở Nông nghiệp và PTNT**  - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: ký văn bản trả lời Chủ đầu tư dự án được biết.  - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: ký văn bản trình UBND tỉnh xem xét, Quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng.  **Ủy ban nhân dân tỉnh**  **\*** *Trường hợp phải lấy ý kiến của bộ, ngành chủ quản (đối với diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là cac đơn vị trực thuộc các bộ, ngành):*  - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình và hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh lấy ý kiến của bộ, ngành chủ quản.  - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến của UBND tỉnh, bộ, ngành chủ quản có ý kiến bằng văn bản gửi UBND tỉnh.  - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của bộ, ngành chủ quản:  + Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng.  + Trường hợp không phê duyệt, Chủ tịch UBND tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  \* *Trường hợp không phải lấy ý kiến của bộ, ngành chủ quản:*  - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:  + Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng.  + Trường hợp không phê duyệt, Chủ tịch UBND tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  \* **Kết quả:**  + Bản giấy được gửi cho nhân viên bưu điện chuyển đến Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm), Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.  + Bản điện tử được lưu trữ trong kho dữ liệu của tổ chức trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Cổng dịch vụ công quốc gia.  **Bước 3:** Trả kết quả  Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc Trung tâm chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.  **Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức/cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu.  **\* Sơ đồ quy trình** | | | | | |
| **CÁCH THỨC THỰC HIỆN:** | | | | | | |
| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | | Mô tả | | |
| Trực tiếp | - Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.  - Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành chủ quản: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Không quy định. | | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. | | |
| Trực tuyến | - Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.  - Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành chủ quản: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Không quy định. | | - Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo | | |
| Dịch vụ bưu chính | - Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.  - Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành chủ quản: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Không. (Nộp phí sử dụng dịch vụ bưu chính) | | Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu. | | |
| Thành phần hồ sơ | | | | | | |
| Tên giấy tờ | | Mẫu đơn, tờ khai | | Số lượng | | |
| **a) Trường hợp đề nghị phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng**  *(i) Hồ sơ chủ đầu tư dự án nộp đến Sở Nông nghiệp và PTNT, gồm:*  - Văn bản đề nghị phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng của chủ đầu tư dự án theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (sau đây gọi là Nghị định số 27/2024/NĐ-CP);  - Bản sao quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích sử dụng khác của dự án hoặc bản sao quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của dự án. Trường hợp dự án không chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác có bản sao quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư;  - Bản chính báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị tạm sử dụng. Báo cáo thuyết minh thể hiện vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính), diện tích rừng theo loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừngtrồng), trữ lượng, loài cây đối với rừng trồng; Bản đồ (hiện trạng rừng khu vực tạm sử dụng rừng tỷ lệ 1/5.000 thể hiện rõ vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính), phạm vi, ranh giới khu rừng đề nghị tạm sử dụng;  - Phương án tạm sử dụng rừng do chủ đầu tư lập theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2024/NĐ-CP.  *(ii) Hồ sơ Sở Nông nghiệp và PTNT trình Chủ tịch UBND tỉnh, gồm:*  - Tờ trình của Sở Nông nghiệp và PTNT;  - Văn bản đề nghị phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng của chủ đầu tư dự án theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2024/NĐ-CP;  - Bản sao quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích sử dụng khác của dự án hoặc bản sao quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của dự án. Trường hợp dự án không chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác có bản sao quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư;  - Bản chính báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị tạm sử dụng. Báo cáo thuyết minh thể hiện vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính), diện tích rừng theo loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng), trữ lượng, loài cây đối với rừng trồng; Bản đồ (hiện trạng rừng khu vực tạm sử dụng rừng tỷ lệ 1/5.000 thể hiện rõ vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính), phạm vi, ranh giới khu rừng đề nghị tạm sử dụng;  - Phương án tạm sử dụng rừng do chủ đầu tư lập theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2024/NĐ-CP;  - Báo cáo thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT.  *(iii) Hồ sơ Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh gửi xin ý kiến bộ, ngành chủ quản đối với diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành, gồm:*  - Văn bản đề nghị của UBND tỉnh;  - Báo cáo thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT;  - Văn bản đề nghị phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng của chủ đầu tư dự án theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2024/NĐ-CP;  - Bản sao quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích sử dụng khác của dự án hoặc bản sao quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của dự án. Trường hợp dự án không chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác có bản sao quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư;  - Bản chính báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị tạm sử dụng. Báo cáo thuyết minh thể hiện vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính), diện tích rừng theo loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng), trữ lượng, loài cây đối với rừng trồng; Bản đồ (hiện trạng rừng khu vực tạm sử dụng rừng tỷ lệ 1/5.000 thể hiện rõ vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính), phạm vi, ranh giới khu rừng đề nghị tạm sử dụng;  - Phương án tạm sử dụng rừng do chủ đầu tư lập theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2024/NĐ-CP.  **b) Trường hợp đề nghị điều chỉnh quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng**  (i) *Trường hợp 1:* Dự án thay đổi vị trí, phạm vi tạm sử dụng rừng nhưng không thay đổi loại rừng, không làm tăng diện tích rừng so với tổng diện tích rừng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 42a Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 27/2024/NĐ-CP, chủ đầu tư: Báo cáo Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh và chủ rừng về việc thay đổi vị trí, phạm vi tạm sử dụng rừng.  (ii) *Trường hợp 2:* Dự án có thay đổi nội dung Phương án tạm sử dụng rừng đã được phê duyệt không thuộc quy định tại trường hợp 1 nêu trên, hồ sơ bao gồm:  *\* Hồ sơ chủ đầu tư dự án nộp đến Sở Nông nghiệp và PTNT, gồm:*  - Văn bản đề nghị phê duyệt điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng của chủ đầu tư dự án theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2024/NĐ-CP;  - Bản sao quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích sử dụng khác của dự án hoặc bản sao quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của dự án. Trường hợp dự án không chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác có bản sao quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư. (nếu thành phần hồ sơ này không có sự thay đổi về nội dung so với thành phần hồ sơ khi trình phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng thì không phải nộp lại);  - Bản chính báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị điều chỉnh tạm sử dụng rừng. Báo cáo thuyết minh thể hiện vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính), diện tích rừng theo loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng), trữ lượng, loài cây đối với rừng trồng; Bản đồ (hiện trạng rừng khu vực tạm sử dụng rừng tỷ lệ 1/5.000 thể hiện rõ vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính), phạm vi, ranh giới khu rừng đề nghị tạm sử dụng;  - Điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng do chủ đầu tư lập theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2024/NĐ-CP.  *\* Hồ sơ Sở Nông nghiệp và PTNT trình Chủ tịch UBND tỉnh, gồm:*  - Tờ trình của Sở Nông nghiệp và PTNT;  - Văn bản đề nghị phê duyệt điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng của chủ đầu tư dự án theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2024/NĐ-CP;  - Bản sao quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích sử dụng khác của dự án hoặc bản sao quyết định chuyển mục đíchsử dụng rừng sang mục đích khác của dự án. Trường hợp dự án không chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác có bản sao quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư. *(nếu thành phần hồ sơ này không có sự thay đổi về nội dung so với thành phần hồ sơ khi trình phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng thì không phải nộp lại)*;  - Bản chính báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị điều chỉnh tạm sử dụng rừng. Báo cáo thuyết minh thể hiện vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính), diện tích rừng theo loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng), trữ lượng, loài cây đối với rừng trồng; Bản đồ (hiện trạng rừng khu vực tạm sử dụng rừng tỷ lệ 1/5.000 thể hiện rõ vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính), phạm vi, ranh giới khu rừng đề nghị tạm sử dụng;  - Điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng do chủ đầu tư lập theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2024/NĐ-CP;  - Báo cáo thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT.  *\* Hồ sơ UBND tỉnh gửi xin ý kiến bộ, ngành chủ quản đối với diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành, gồm:*  - Văn bản đề nghị của UBND tỉnh;  - Báo cáo thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT;  - Văn bản đề nghị phê duyệt điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng của chủ đầu tư dự án theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2024/NĐ-CP;  - Bản sao quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích sử dụng khác của dự án hoặc bản sao quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của dự án. Trường hợp dự án không chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác có bản sao quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư *(nếu thành phần hồ sơ này không có sự thay đổi về nội dung so với thành phần hồ sơ khi trình phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng thì không phải nộp lại)*;  - Bản chính báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị điều chỉnh tạm sử dụng. Báo cáo thuyết minh thể hiện vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính), diện tích rừng theo loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng), trữ lượng, loài cây đối với rừng trồng; Bản đồ (hiện trạng rừng khu vực tạm sử dụng rừng tỷ lệ 1/5.000 thể hiện rõ vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính), phạm vi, ranh giới khu rừng đề nghị tạm sử dụng;  - Điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng do chủ đầu tư lập theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2024/NĐ-CP. | | - Văn bản đề nghị phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng của chủ đầu tư dự án theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2024/NĐ-CP;  - Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng do chủ đầu tư lập theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2024/NĐ-CP. | | Bản chính: 01 | | |
| Đối tượng thực hiện: | | Chủ đầu tư dự án. | | | | |
| Mô tả đối tượng thực hiện: | |  | | | | |
| Cơ quan thực hiện: | | Sở Nông nghiệp và PTNT - Chi cục Kiểm lâm. | | | | |
| Cơ quan có thẩm quyền: | | Chủ tịch UBND tỉnh. | | | | |
| Cơ quan phối hợp: | | Văn phòng UBND tỉnh. | | | | |
| Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ: | | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh). | | | | |
| Kết quả thực hiện | | | | | | |
| Mã tài liệu | | Tên kết quả | Tệp đính kèm | | | |
|  | | - Quyết định về việc phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng.  - Quyết định điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng. |  | | | |
| Căn cứ pháp lý | | | | | | |
| Số văn bản | Tên văn bản | | Ngày văn bản | | Ngày hiệu lực | Cơ quan ban hành |
| 27/2024/NĐ-CP | Nghị định số 27/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. | | 06/3/2024 | | 06/3/2024 | Chính phủ |
|  |  | |  | |  |  |
| Yêu cầu, điều kiện thực hiện: | | **Dự án phải đáp ứng các điều kiện sau:**  - Có dự án lưới điện để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đầu tư.  - Trường hợp dự án có cả chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và tạm sử dụng rừng, phải có quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích sử dụng khác (đối với phần diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng). Trường hợp dự án không chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nhưng có tạm sử dụng rừng, phải có quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư.  - Chỉ cho phép tạm sử dụng rừng trong trường hợp dự án bắt buộc phải sử dụng trên diện tích có rừng do không thể bố trí trên diện tích đất khác. Hạn chế tối đa diện tích tạm sử dụng rừng và chặt hạ cây rừng trong phạm vi diện tích được tạm sử dụng (không chặt hạ cây rừng có đường kính từ 20 cm trở lên ở vị trí từ mặt đất đến vị trí 1,3m của thân cây).  - Diện tích tạm sử dụng phải được điều tra, đánh giá về hiện trạng, trữ lượng, tác động của việc tạm sử dụng rừng đối với hệ sinh thái rừng. Nội dung tác động vào rừng, trồng lại rừng, phục hồi rừng phải được thể hiện đầy đủ, chi tiết trong Phương án tạm sử dụng rừng.  - Thời gian tạm sử dụng rừng phải được xác định rõ trong văn bản đề nghị quyết định phê quyệt Phương án tạm sử dụng rừng; không quá thời gian thực hiện dự án.  - Không tạm sử dụng rừng trong khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng, phạm vi diện tích rừng có các loài thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm; không lợi dụng việc tạm sử dụng rừng để chặt, phá rừng, săn bắt động vật rừng, khai thác, vận chuyển gỗ và lâm sản trái quy định của pháp luật, hợp thức hóa gỗ và lâm sản khai thác trái pháp luật; không đưa chất thải, hóa chất độc, chất nổ, chất cháy, chất dễ cháy, công cụ, phương tiện vào rừng trái quy định của pháp luật; không xây dựng, đào, bới, đắp đập, ngăn dòng chảy tự nhiên và các hoạt động khác trái quy định của pháp luật làm thay đổi cấu trúc cảnh quan tự nhiên, hủy hoại tài nguyên rừng, hệ sinh thái rừng, công trình bảo vệ và phát triển rừng.  - Việc trồng lại rừng được thực hiện ngay trong mùa vụ trồng rừng gần nhất tại địa phương nhưng không quá 12 tháng tính từ thời gian tạm sử dụng rừng kết thúc trong Phương án tạm sử dụng rừng được phê duyệt; bảo đảm diện tích rừng được phục hồi đáp ứng tiêu chí thành rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp. | | | | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | | - Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định và các thành phần khác có liên quan;  - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;  - Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ (nếu có);  - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nếu có). | | | | |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại Phòng QL, BV và PTR thuộc Chi cục Kiểm lâm, thời gian lưu 01 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống Văn thư Chi cục Kiểm lâm, lưu trữ theo quy định hiện hành. | | | | |

**Phụ lục I  
ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT (HOẶC ĐIỀU CHỈNH)  
PHƯƠNG ÁN TẠM SỬ DỤNG RỪNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** Số:……../… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *…….., ngày ….. tháng …. năm …..* |

**ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT (HOẶC ĐIỀU CHỈNH)  
PHƯƠNG ÁN TẠM SỬ DỤNG RỪNG  
để thực hiện Dự án ...........................  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp………

*Căn cứ Nghị định số …. /2024/NĐ-CP ngày……tháng … năm 2024 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP  
ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số  
điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số...../QĐ-...... .ngày ..... tháng ......năm.... của ...... về  
việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án hoặc Quyết định số...../QĐ-.......ngày .....  
tháng ......năm..... của ......... về việc phê duyệt dự án đầu tư.........;*

*Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-......ngày .... tháng .... năm ... của .... về việc  
phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc  
Quyết định số ...../QĐ-.......ngày ..... tháng .... năm ..... của .... về việc quyết định  
chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án…..*

- Tên tổ chức/chủ đầu tư dự án (chữ in hoa): (1)…………………………..

- Địa chỉ trụ sở chính: ……………………………………………………..

- Điện thoại: ……………………………………………………………….

- Họ và tên người đại diện:……………………………………………….

+ Chức vụ:…………………………………………………………………

+ Số CCCD: ……………………ngày, tháng, năm cấp: …………………

+ Nơi cư trú: ………………………………………………………………

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp ……………. xem xét, quyết  
định phê duyệt (hoặc điều chỉnh) Phương án tạm sử dụng rừng như sau:

1. Các thông tin về tạm sử dụng rừng (hoặc điều chỉnh tạm sử dụng rừng):

a) Các thông tin về: Vị trí khu rừng (ghi rõ tên lô, khoảnh, tiểu khu; địa  
danh hành chính); diện tích rừng (ha); loại rừng (ghi rõ rừng đặc dụng, phòng  
hộ, sản xuất); nguồn gốc hình thành (ghi rõ rừng tự nhiên, rừng trồng).

b) Mục đích của việc tạm sử dụng rừng ................................... (2)

c) Thời gian tạm sử dụng rừng: Từ ngày ......tháng ... năm.... đến ngày......  
tháng...... năm.......

2. Lý do điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng (nếu có):

3. Về trồng lại rừng, phục hồi rừng

Nêu rõ việc trồng lại rừng, phục hồi rừng và kinh phí trồng rừng, …..

4. Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác về các thông  
tin trên.

5. Hồ sơ

Có hồ sơ theo quy định tại khoản 3 (hoặc khoản 5) Điều 42a Nghị định  
số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ được sửa đổi,  
bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số ……./2024/NĐ-CP ngày ….. tháng  
….. năm 2024 của Chính phủ kèm theo, gồm:………….

Để có cơ sở triển khai tổ chức thực hiện, ....................................... (3) kính  
đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp …… xem xét, phê duyệt.

|  |
| --- |
| *………ngày…….thang…..năm…….* **ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN** *(Ký tên, đóng dấu hoặc ký số hợp lệ)* |

***Ghi chú:***

(1) Ghi rõ tên tổ chức, ngày thành lập, số và ngày, cơ quan ký quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

(2) Ghi rõ mục đích tạm sử dụng rừng: Để xây dựng hạng mục công trình xây dựng tạm  
thực hiện Dự án ........,

(3) Ghi rõ tên tổ chức/chủ đầu tư dự án.

**Phụ lục II  
PHƯƠNG ÁN (HOẶC ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN) TẠM SỬ DỤNG RỪNG**

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ QUAN LẬP PHƯƠNG ÁN**  Số:……./… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *….., ngày ….. tháng …. năm …..* |

**PHƯƠNG ÁN  
Tạm sử dụng rừng (hoặc điều chỉnh tạm sử dụng rừng)  
để thực hiện Dự án …………………  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp ...........

*Căn cứ Nghị định số…. /2024/NĐ-CP ngày……tháng……. năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CPngày  
16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của  
Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số...../QĐ-.......ngày ..... tháng ......năm..... của ......... về  
việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án hoặc Quyết định số...../QĐ-.......ngày .....  
tháng ......năm..... của ......... về việc phê duyệt dự án đầu tư.........;*

*Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-....ngày .... tháng .... năm ..... của .... về việc  
phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc  
Quyết định số ....../QĐ-.... ngày .... thang ....... năm ..... của ...... về việc quyết  
định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự  
án.......;*

*Căn cứ.......................................................*  (1) lập Phương án tạm sử dụng rừng (hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng) để xây dựng hạng mục công trình xây dựng tạm  
thực hiện Dự án ......................, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp xem xét,  
phê duyệt, như sau:

**1. Về vị trí, diện tích, loại rừng, trữ lượng rừng khu vực đề nghị tạm sử  
dụng rừng (hoặc điều chỉnh tạm sử dụng rừng)**

- Vị trí: lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính.

- Diện tích phân theo:

+ Loại rừng: rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

+ Nguồn gốc hình thành: rừng tự nhiên, rừng trồng.

- Trữ lượng rừng:

- Loài cây đối với rừng trồng:

**2. Lý do điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng (nếu có):……..**

**3. Phương án xử lý cây rừng trên phạm vi diện tích tạm sử dụng rừng**

- Phương thức tác động: ..............................................................................

- Khai thác tận dụng lâm sản trên diện tích tạm sử dụng rừng .....................

- Phương thức thu hồi tài sản tận dụng lâm sản …………............................

- Đấu giá tài sản Nhà nước (nếu có).............................................................

- ...................................................................................................................

**4. Thời gian tạm sử dụng rừng**: Từ ngày ......tháng ... năm.... đến ngày......  
tháng...... năm...........

**5. Nội dung trồng lại diện tích rừng**

a) Biện pháp trồng rừng: Thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và  
Phát triển nông thôn về các biện pháp kỹ thuật lâm sinh …….…………………..

b) Thời gian trồng rừng, hoàn trả, bàn giao cho chủ rừng: ...........................

c) Nghiệm thu rừng thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát  
triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm  
sinh………

d) Kinh phí trồng rừng: ……………………………………………………

đ) …………………………………………………………………………..

Để có cơ sở triển khai tổ chức thực hiện, ............................. (2) kính đề  
nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp …… xem xét, phê duyệt./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; -......................; - Lưu: VT,..... | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LẬP PHƯƠNG ÁN**  *(Ký tên, đóng dấu hoặc ký số hợp lệ)* |
|  |  |

***Ghi chú:***

(1) và (2) ghi rõ tên tổ chức/chủ đầu tư dự án.